SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0672/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0658.21
Ngày : 04/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn: Sơn Đông
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10 – 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli*	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU)	TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	9,54	/
4	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	1,64	/
6	pH		TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,29	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	1,0	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0658.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0674/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0660.21
Ngày : 04/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đường số 2 - 417C – Khu phố 3 – phường 7
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10 – 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	1,83	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,43	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,30	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0660.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	GIÁM ĐỐC
	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0673/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0659.21
Ngày : 04/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Quán chay – khu phố 6, phường Phú Khương
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10 – 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	1,76	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,30	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,23	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0659.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0675/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0661.21
Ngày : 04/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn An Hiệp
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10 – 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli*	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU)	TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH		TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,39	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	1,0	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	GIÁM ĐỐC
	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0676/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0662.21
Ngày : 04/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Hộ Vân Cầu Cây Da
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10 – 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,28	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,55	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0662.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	GIÁM ĐỐC KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0677/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0663.21
Ngày : 04/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Trạm tăng áp Hàm Luông
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10 – 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	7,80	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	0,51	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,31	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,7	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0663.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	GIÁM ĐỐC
	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0665/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0651.21
Ngày : 02/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn: Nhà máy nước Lương Quới
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10– 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	0,51	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,22	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,89	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0651.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0667/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0653.21
Ngày : 02/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn: Bình Thành
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10– 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	10,96	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	0,76	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,28	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,33	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0653.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	GIÁM ĐỐC KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0666/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0652.21
Ngày : 02/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn: Chi nhánh Giồng Trôm
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10– 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	10,10	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	0,86	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,20	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,59	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0652.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0662/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0648.21
Ngày : 02/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn: Chi nhánh CN Phú Tân
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10– 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	9,17	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	0,79	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,22	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,94	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	GIÁM ĐỐC
	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0663/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0649.21
Ngày : 02/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn: Chùa Quan Âm TT Châu Thành
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10– 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	12,38	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	0,65	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,25	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,71	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0649.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	GIÁM ĐỐC
	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Số: 0664/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0650.21
Ngày : 02/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ilac-MRA AOSC
VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 26/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn: KCN Giao Long
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 26/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 26/10– 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	14,35	1,00
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	0,69	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,20	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,53	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	GIÁM ĐỐC
	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE – TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0681/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0667.21
Ngày : 04/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ilac-MRA AOSC
VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 27/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu Sơn Định – Chợ Lách
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 27/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 27/10/2021– 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	**24**	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	8,44	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	**2,04**	**0,10**
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,85	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,9	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0667.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Phan Thập Huy

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0682/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0668.21
Ngày : 04/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 27/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn – Khu phố 4, Thị trấn Chợ Lách.
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 27/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 27/10/2021– 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	**17**	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	11,84	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	**2,13**	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,98	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,3	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu Coliform, Độ đục được thử nghiệm không đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0668.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0683/KSBT-XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số mẫu : 0669.21
Ngày : 04/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 27/10/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn – ấp Long Quới, xã Long Thới, huyện Chợ Lách.
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 27/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 27/10/2021– 01/11/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	**25**	/
2	*Escherichia coli* CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	12,64	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	**2,00**	0,10
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,80	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,2	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834

Mã số mẫu: 0669.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thập Huy	Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Đ/c: số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
☎ (0275) 3822 353 – Fax: (0275) 3825 834